

Số: 08/QĐ-THCSĐH

Kiến An, ngày 25 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số
trong nhà trường năm học 2023- 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐỒNG HOÀ

Căn cứ Kế hoạch số 15/PGDDĐT, ngày 02/5/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kiến An về kế hoạch triển khai đánh giá mức độ Chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo thuộc quận Kiến An năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-THCSĐH ngày 07/5/2024 của trường THCS Đồng Hoà về việc thành lập Hội đồng tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-THCSĐH ngày 17/9/2023 của Trường THCS Đồng Hoà về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của của Hội đồng đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023-2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023- 2024 gồm điểm đánh giá ở các tiêu chí theo bộ tiêu chí kèm theo.

Điều 2. Hiệu trưởng có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023- 2024;

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023- 2024 đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt kết quả đánh tự giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023- 2024 là căn cứ để cơ quan quản lý kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PGDDĐT Kiến An;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Hùng

**TRƯỜNG THCS ĐÔNG HOÀ****PHỤ LỤC****BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông**

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|----------|--|-------------|-----------------|--------------|---|
| I | Chuyển đổi số trong dạy, học | 100 | 72 | Mức 2 | |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) | | | | - KH tổ chức dạy học trực tuyến NH 2023-2024. - KH GD nhà trường NH 2023-2024. |
| 1.1 | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) | | | | - KH điều chỉnh phương án dạy học trực tuyến và trực tiếp NH 2023-2024. |
| 1.2. | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến | | | | Quy định dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo KH tổ chức dạy học trực tuyến NH 2023-2024. |
| 1.3. | Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: - Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; - Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; - Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; - Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. | 30 | 20 | Mức 2 | - Phần mềm LMS - Phần mềm dạy học: zoom meeting; Microsoft Teams (đường link: Zoom.org.vn microsoft.com) |
| 1.4. | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt). | 10 | 6 | Mức 2 | https://drive.google.com/drive/u/0/folders/0AJX3wCwt0OYfUk9PVA |



| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|----------|---|-------------|-----------------|--------------|---|
| 1.5. | Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) | 20 | 15 | Mức 3 | <ul style="list-style-type: none"> - KH thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá ứng phó với dịch bệnh năm học 2023-2024: - KH kiểm tra GKI năm học 2023-2024. - KH kiểm tra CKI năm học 2023-2024. - KH kiểm tra GKII năm học 2023-2024. - KH kiểm tra CKII năm học 2023-2024. |
| | Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường | | | | |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | 20 | 7 | Mức 3 | 100 % Giáo viên |
| | - Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | | | | 100 % Giáo viên |
| | - Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | | | | 100 % Giáo viên |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học | 20 | 9 | Mức 2 | 100% phòng học |
| | Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học ^[1] | | | | 2 HS/máy |
| | - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) | | | | 0 |
| 2 | Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục | 100 | 71 | Mức 2 | |

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|------|---|-------------|-----------------|--------|---|
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) | | | | Ban chỉ đạo CNTT (Trưởng ban: đ/c Lê Văn Hùng- Hiệu trưởng; levanhunghp@gmail.com; - Quyết định thành lập Tổ CNTT. - Quyết định thành lập ban quản trị Website trường học. - Kế hoạch UDCNTT CNTT. |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | | | | - KH tổ chức các hoạt động dạy học năm học 2023-2024. - KH thực hiện nhiệm vụ UD CNTT, NH 2023-2024. |
| 2.3 | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường | 70 | 5 | Mức 3 | https://truong.haiphong.edu.vn https://thcsdonghoa.haiphong.edu.vn/ |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) | | 6 | | |
| | - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử | | 9 | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV | | 5 | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất | | 9 | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh | | 9 | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán | | 3 | | |
| | - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) | | 6 | | |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | 30 | 5 | Mức 2 | https://truong.haiphong.edu.vn/ |



| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|-----|---|-------------|-----------------|--------|---|
| | - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: | | 12 | | http://tsdc.haiphong.edu.vn/ |
| | - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | | 2 | | |

Kết quả tổng hợp:

- Nhóm tiêu chí I: Chuyển đổi số trong dạy, học: đạt 72/100 điểm; đáp ứng mức độ 2.

- Nhóm tiêu chí II: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: đạt 71/100 điểm; đáp ứng mức độ 2.